TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài

2. Ông Chau Khon Sóc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà: Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 183/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 17/2022/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý. Địa chỉ: Tầng A, số I C, phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020);

Ủy quyền lại cho ông Lê Thanh N, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ V1. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số B T, P. M, TP L, tỉnh An Giang. (theo văn bản ủy quyền số 07/2020/UQ-VPB ngày 07/10/2021), có mặt.

2. *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Bình T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Ông Mai Huỳnh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh A đã ký hợp đồng số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04-4-2018 để cho bà T1, ông L vay số tiền 255.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng từ ngày 05-4-2018 đến ngày 05-4-2028 , lãi suất vay 13.5%/năm chu kỳ thay đổi lãi suất 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, biên độ là 6.5%/năm.

Ngoài ra bà Nguyễn Bình T1 đã ký thêm hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22-02-2019 để vay số tiền 88.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay là 20%/năm.

Để bảo đãm cho số tiền vay là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803280587713/AGG/HĐTC ngày 04-4-2018 do bà Nguyễn Bình T1 ký kết, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL815010, số vào sổ cấp GCN CS05570 cấp ngày 04/01/2018, diện tích 477,3 m^2, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 28 tọa lạc xã L, huyện T đứng tên N.

Trong quá trình vay bà Nguyễn Bình T1 và ông Mai Huỳnh L có trả được số tiền:

Đối với khoản vay 255.000.000 đồng: đã trả vốn là 49.336.059 đồng, tiền lãi là 56.787.044 đồng (đến ngày 20-7-2020).

Đối với khoản vay 88.000.000 đồng: đã trả vốn là 19.442.215 đồng, tiền lãi là 14.004.099 đồng (đến ngày 31-3-2020).

Tính đến ngày 14-9-2022 bà Nguyễn Bình T1 và ông Mai Huỳnh L còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền:

Đối với khoản vay 255.000.000 đồng, nợ vốn là 205.713.953 đồng, tiền lãi là 122.096.661 đồng, tổng vốn, lãi là 327.810.614 đồng.

Đối với khoản vay 88.000.000 đồng, nợ vốn là 68.557.785 đồng, tiền lãi là 56.800.696 đồng, tổng vốn, lãi là 125.358.481 đồng.

Tổng vốn vay hai khoản là 274.271.738 đồng, tổng lãi là 178.897.357 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 453.169.095 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Bình T1 và ông Mai Huỳnh L trả tổng số tiền còn nợ là 453.169.095 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi tất toán khoản nợ vay và Duy trì hợp đồng thế chấp số LN 1803280587713/AGG/HĐTC ngày 04-4-2018 để đảm bảo thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chổ 1.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đã thực hiện việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự và gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự trễ hạn.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án:

Nhận thấy, hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04-4-2018 và hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22-02-2019 được ký kết giữa các bị đơn với ngân hàng trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1803280587713/AGG/HĐTC ngày 04-4-2018 được ký kết để đảm bảo cho số tiền vay, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký thế chấp là phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này.

Các bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04-4-2018 và hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22-02-2019 là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền gồm:

Đối với khoản vay 255.000.000 đồng, nợ vốn là 205.713.953 đồng, tiền lãi là 122.096.661 đồng, tổng vốn, lãi là 327.810.614 đồng.

Đối với khoản vay 88.000.000 đồng, nợ vốn là 68.557.785 đồng, tiền lãi là 56.800.696 đồng, tổng vốn, lãi là 125.358.481 đồng.

Tổng vốn vay hai khoản là 274.271.738 đồng, tổng lãi là 178.897.357 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 453.169.095 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi vay phát sinh sau ngày 14/9/2022 với lãi suất theo đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ. Yêu cầu của Ngân hàng là có căn

cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị đơn có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 và đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn đăng ký thường trú tại xã L, huyện T nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Mai Huỳnh L, bà Nguyễn Bình T1 vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Mai Huỳnh L, bà Nguyễn Bình T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 và hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Theo hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04-4-2018 và khế ước nhận nợ đã ký kết thì ông L, bà T1 thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận nên khoản nợ vay đã quá hạn từ ngày 06-01-2020. Trong quá trình vay ông L, bà T1 chỉ trả vốn cho Ngân hàng là 49.336.059 đồng, tiền lãi là 56.787.044 đồng (đến ngày 20/7/2020).

Theo hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22-02-2019 đã ký kết thì bà T1 thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận nên khoản nợ vay đã quá hạn từ ngày 15-01-2020. Trong quá trình vay bà T1 chỉ trả vốn cho Ngân hàng là 19.442.215 đồng, tiền lãi là 14.004.099 đồng (đến ngày 31-3-2020).

Ngân hàng yêu cầu ông Mai Huỳnh L và bà Nguyễn Bình T1 phải có trách nhiệm trả số tiền tổng vốn vay hai khoản là 274.271.738 đồng, tổng lãi là 178.897.357 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 453.169.095 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trong hạn, quá hạn phát sinh theo các hợp đồng cho vay số LN

1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 và đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ là có căn cứ.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019 được bà T1 ký kết với mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống mà bà T1 và ông L có mối quan hệ hôn nhân là vợ chồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà T1 và ông L cùng trả nợ là phù hợp với điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 7 hợp đồng cho vay số hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 có quy định:

Ngân hàng chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho Ngân hàng nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với Ngân hàng .....

Tại điểm b khoản 1 Điều 10 hợp đồng cho vay số hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 có quy định:

Ngân hàng được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng này, các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động.....

Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Do đó, Do ông L, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đã ký kết nên việc ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi: Đại diện Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến khi bên vay trả dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Mai Huỳnh L, bà Nguyễn Bình T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, tại chổ là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu các khoản chi phí tố tụng, nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Mai Huỳnh L và bà Nguyễn Bình T1.

Buộc ông Mai Huỳnh L và bà Nguyễn Bình T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 453.169.095 đồng (trong đó vốn gốc 274.271.738 đồng, lãi 178.897.357 đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 15-9-2022 theo hợp đồng cho vay số LN 1803280587713/AGG/HĐTD ngày 04/4/2018 và hợp đồng tín dụng số LD1735600515 ngày 22/02/2019 được ký cho đến khi trả dứt nợ.

Xử lý tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL815010, số vào sổ cấp GCN CS05570 cấp ngày 04/01/2018, diện tích 477,3 m^2, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 28 tọa lạc xã L, huyện T đứng tên N theo hợp đồng thế chấp số LN1803280587713/AGG/HĐTC ngày 04/4/2018 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Ông Mai Huỳnh L, bà Nguyễn Bình T1 phải nộp 22.658.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H lại N1 thương mại cổ phần V 10.941.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0008086 ngày 21-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Về chi phí tố tụng: Ông Mai Huỳnh L, bà Nguyễn Bình T1 phải hoàn trả cho Ngân thương mại cổ phần V số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- CCTHADS huyện Tri Tôn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Hùng